TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG SƠN
TỈNH THANH HÓA
Bản án số: 23/2023/HSST
Ngày: 18-8-2023

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG SƠN, TỈNH THANH HÓA

***- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có*:**
***- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*:** Bà Lê Thị Tố Như
***- Các Hội thẩm nhân dân*:** Bà Lê Hoàn Sinh
Ông Nguyễn Văn Long

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Tuấn Thành - là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Nguyệt Quế - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án Hình sự thụ lý số: 19/2023/HSST ngày 20/7/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXXST-HS ngày 03/8/2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Văn T**; Sinh năm: 1994; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn ĐT, xã TC, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa. Dân tộc Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 3/12. Con ông Lê Văn B (đã chết) và bà Phạm Thị H. Bị cáo chưa có vợ. Gia đình bị cáo có 04 anh em, bị cáo là con thứ ba. Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/4/2023 đến ngày 29/4/2023 chuyển tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Đông Sơn, Thanh Hóa; Bị cáo hiện có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Đỗ Đăng C**; Sinh năm: 1989; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn HN, xã TN, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12. Con ông Đỗ Đăng V và bà Nguyễn Thị T1; Gia đình bị cáo có 04 anh em, bị cáo là con thứ tư; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/4/2023 đến ngày 29/4/2023 chuyển tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Đông Sơn, Thanh Hóa; Bị cáo hiện có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Phạm Thị Vân A, sinh ngày 04/7/2005; Địa chỉ: Khu phố Phú, phường ĐL, thành phố Thanh Hóa.

Người liên quan: Anh Đỗ Viết G, sinh năm: 1987; Địa chỉ: Thôn H, xã HS, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa.

Người làm chứng: Chị Phạm Thị Tr, sinh ngày: 18/7/2005; Địa chỉ : Thôn HK, xã ĐT, huyện ĐS, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa vắng mặt chị Vân A, anh G, chị Tr không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 24 tháng 4 năm 2023, Lê Văn T đang chơi game tại quán Internet ở 136 Lê Huy Toán, phường Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa thì Đỗ Đăng C gọi điện hỏi T xem có ma túy không để sử dụng. Nghe xong T hỏi C *"Có xe không"*, Công trả lời *"Có xe"* nên T nói *"Ra đây đi"*. Nghe T nói vậy, C đã lấy xe mô tô Biển kiểm sát (BKS) 36B7-566.77 là xe do C làm chủ sở hữu và đi xuống khu vực Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa để gặp T. Khi đến nơi cả hai lên xe đi xuống khu vực huyện Hoằng Hóa mua ma túy để sử dụng. Trên đường đi T nói với Công *"Có khẩu trang không để bịt biển số xe"* nên C đã đưa cho T một chiếc khẩu trang để T bịt biển số xe lại nhằm mục đích đi mua ma túy không bị phát hiện. Do không mua được ma túy nên T và C đi về huyện Nông Cống. Khi đi đến khu vực Bệnh viện Phổi tỉnh Thanh Hóa, T nói với C "*Anh quay lại đi đường này xem có giật được cái gì để lấy tiền chơi không"*. T ngồi sau và chỉ đường cho C đi về phía đường tránh phía Tây thành phố Thanh Hóa. Khi đến ngã tư cây xăng Ngọc Hiệp thuộc phường Đông Tân, T nói C đi ngược lên hướng huyện Triệu Sơn trên Quốc lộ 47. Cả hai đi đến khu vực Trường Trung học phổ thông Đông Sơn 1, thuộc khu phố Nhuệ Sâm, thị trấn Rừng Thông, huyện Đông Sơn do không thấy ai sơ hở nên đã quay xe đi về hướng thành phố Thanh Hóa để về nhà. Khoảng 16 giờ cùng ngày, khi đi đến khu vực ngã tư đường rẽ vào xã Đông Thịnh đi xã Đông Văn, huyện Đông Sơn thì Thuận thấy chị Phạm Thị Vân A, sinh ngày 04/7/2005 ở khu phố Phú, phường Đông Lĩnh, thành phố Thanh Hóa đang đứng cùng với bạn cùng lớp là chị Phạm Thị Tr, sinh ngày 18/7/2005 ở thôn Hiệp Khởi, xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn ở lề đường bên phải theo hướng đi của hai người và đang sử dụng điện thoại di động. T nói với C *"Có hai người đang sử dụng điện thoại"*. C nhìn sang đồng thời chạy xe chậm lại và nói với T *"Anh quay xe lại, em đi bộ, anh chạy xe lên trước đón"*. Sau đó C điều khiển xe đi vòng về hướng phường Đông Tân ra Quốc lộ 47 rồi quay lại vị trí mà chị Phạm Thị Vân A đang đứng. Khi đến gần C chạy xe chậm lại để T xuống xe đi bộ lại phía chị Vân A đứng, C chạy xe lên phía trước đó cách khoảng 10 mét và dừng lại chờ T. T xuống xe đi bộ lại gần rồi giật chiếc điện thoại trên tay chị Vân A, sau đó chạy lên vị trí C đang dừng xe để chờ. Sau đó, T nói với C điều khiển xe chở T đến cửa hàng mua bán điện thoại cũ Giáp Hiền ở thôn Hồi Cù, xã Hoằng Sơn, huyện Nông Cống bán cho chủ cửa hàng là anh Đỗ Viết G, sinh năm 1987 với giá 3.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền T và C tiếp tục đi xuống thành phố Thanh Hóa. Tại đây T gọi thêm bạn là Nguyễn Hữu M để cùng đi ra khu vực thôn 13, xã Quang Thiện, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình mua ma túy của một người đàn ông không rõ tên, địa chỉ để sử dụng, sau đó cả ba người đi về. Khi về đến khu vực Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa, T và M xuống xe đi vào quán Game để chơi, còn C đi xe về nhà. Số tiền bán điện thoại C và T đã dùng vào việc mua ma túy và chi tiêu hết.

Sau khi sự việc xảy ra, chị Phạm Thị Vân A đã đến cơ quan Công an trình báo sự việc. Qua điều tra, xác minh Cơ quan CSĐT Công an huyện Đông Sơn

đã xác định được đối tượng nghi vấn là Lê Văn T và Đỗ Đăng C. Cơ quan CSĐT đã thực hiện Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Lê Văn T và Đỗ Đăng C. Cơ quan CSĐT đã tiến hành thu giữ chiếc điện thoại di động của chị Vân A mà T và C đã bán cho anh Đỗ Viết G. Tại bản kết luận định giá tài sản số 16/KL-HĐĐGTS ngày 26/4/2023 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Đông Sơn đã định giá chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max của chị Phạm Thị Vân A có trị giá là 10.000.000 đồng.

Về vật chứng: Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max xác định là tài sản do chị Vân A làm chủ sở hữu nên sau khi định giá tài sản, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc điện thoại cho chị Vân Anh theo quy định của pháp luật. Đối với chiếc xe mô tô BKS 36B7-566.77 là xe Công dùng để chở Thuận đi cướp giật tài sản, quá trình điều tra xác định là xe do Công làm chủ sở hữu, hiện đang quy trữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Sơn để xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số: 24/CT - VKSĐS ngày 20/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn đã truy tố các bị cáo Lê Văn Thuận và Đỗ Đăng Công về tội: Cướp giật tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 171 BLHS.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với các bị cáo vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

- Về phần hình sự: Đề nghị tuyên các bị cáo Lê Văn T và Đỗ Đăng C phạm tội: Cướp giật tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Đề nghị: Xử phạt bị cáo Lê Văn T mức án từ 24 (hai tư) tháng tù đến 27 (hai bảy) tháng tù.

Xử phạt bị cáo Đỗ Đăng C mức án từ 18 (mười tám) tháng tù đến 21 (hai mốt) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản đã được trả lại cho bị hại. Các bị cáo đã bồi thường cho người liên quan nên không yêu cầu HĐXX xem xét.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; Khoản 1, 2 Điều 106 BLTTHS tuyên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước đối với chiếc xe mô tô BKS 36B7-566.77 và đăng ký xe mô tô mang tên Đỗ Đăng C.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 buộc các bị cáo Lê Văn T và Đỗ Đăng C phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Lời sau cùng trước khi HĐXX nghị án: Các bị cáo Lê Văn T và Đỗ Đăng C đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Sau khi thẩm tra các chứng cứ có trong hồ sơ, nghe lời khai của các bị cáo, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo và bị hại không có ý kiến nào hoặc khiếu nại về hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay qua thẩm vấn công khai các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác phản ánh tại hồ sơ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Do nghiện hút ma túy nên ngày 24/4/2023, Lê Văn T đã rủ Đỗ Đăng C đi cướp giật tài sản để lấy tiền mua ma túy sử dụng. Khoảng 16 giờ cùng ngày, khi đi đến khu vực ngã tư đường rẽ vào xã Đông Thịnh đi xã Đông Văn, huyện Đông Sơn thì T thấy chị Phạm Thị Vân A đang đứng ở lề đường và đang sử dụng điện thoại di động nên Thuận nói với C quay xe lại để cướp giật chiếc điện thoại. Đến nơi, T xuống xe đi bộ lại gần rồi giật chiếc điện thoại trên tay chị Vân A sau đó chạy lại vị trí C đang dừng xe để chờ và T nói với C điều khiển xe chở T đến cửa hàng mua bán điện thoại cũ Giáp Hiền bán cho anh Đỗ Viết G với giá 3.000.000 đồng. Kết quả định giá tài sản kết luận chiếc điện thoại mà T và C cướp giật của chị Vân A là loại Iphone 12 Pro Max có giá trị là 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Hành vi phạm tội của các bị cáo Lê Văn T và Đỗ Đăng C đã đủ các dấu hiệu cấu thành tội: Cướp giật tài sản. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

[3]. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội thì thấy:Các bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của bị hại tiếp cận bị hại để Cướp giật chiếc điện thoại trên tay chị Vân A rồi nhanh chóng tẩu thoát.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là táo bạo, nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản công dân, ảnh hưởng đến tính mạng sức khỏe của công dân, gây tâm lý hoang mang lo lắng cho chị Vân A, làm mất trật tự an ninh chung.

[4]. Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS và đặc điểm nhân thân của các bị cáo: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo có tuổi đời còn trẻ, tuy nhân thân chưa có tiền án tiền sự nhưng các bị cáo là đối tượng nghiện ma túy. Thiết nghĩ do tính chất nghiêm trọng của vụ án hơn nữa xét nhân thân của bị cáo nên cần phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo.

Khi quyết định hình phạt, HĐXX đã căn cứ vào mức độ nguy hiểm cho xã hội do từng bị cáo gây ra, nhân thân bị cáo để xem xét vai trò của từng bị cáo khác nhau nên hình phạt cũng khác nhau. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội không có sự bàn bạc phân công vai trò cụ thể nên chỉ là đồng phạm giản đơn. Trong đó bị cáo T giữ vai trò đứng đầu vì bị cáo là người khởi xướng, chủ động rủ C đi cướp giật tài sản và là người trực tiếp thực hiện hành vi cướp giật chiếc điện thoại của chị Vân A là người khởi xướng, bị cáo C giữ vai trò thứ yếu thực hiện hành vi một cách tích cực.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Chị Phạm Thị Vân A đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì khác; Anh Đỗ Viết G đã được gia đình các bị cáo trả lại số tiền bán điện thoại, không có yêu cầu gì khác nên HĐXX không xem xét.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 171 Bộ luật hình sự thì các bị cáo Lê Văn T và Đỗ Đăng C có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy hoàn cảnh kinh tế gia đình các bị cáo khó khăn, bản thân các bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp thu nhập ổn định. Vì vậy, HĐXX quyết định miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6]. Đối với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[7]. Về vật chứng vụ án: Đối với chiếc xe mô tô BKS 36B7-566.77 là xe C dùng để chở T đi cướp giật tài sản, quá trình điều tra xác định là xe do C làm chủ sở hữu, hiện đang quy trữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Sơn là công cụ phạm tội cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[6]. Liên quan đến vụ án: Đối với anh Đỗ Viết G, quá trình điều tra xác định khi mua điện thoại của T và C thì anh G không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với anh Nguyễn Hữu M, quá trình điều tra xác định anh M không biết số tiền mua ma túy do đâu mà có, không biết gì về hành vi phạm tội của T và Công nên không có căn cứ xử lý.

Quá trình điều tra, không đủ cơ sở kết luận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và không xác định được người bán ma túy cho T, C và M nên không có căn cứ xử lý.

[6]. Các bị cáo, bị hại và người liên quan được quyền kháng cáo, Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

[7]. Buộc các bị cáo Lê Văn T và Đỗ Đăng C phải nộp tiền án phí HSST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 171; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58; Điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106; Khoản 2 Điều 136; Các Điều 331; 333; 336; 337 BLTTHS; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTV- QH14 ngày 30/12/2016.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Văn T và Đỗ Đăng C phạm tội: Cướp giật tài sản.

2. Về hình phạt: Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T 24 (hai tư) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26 tháng 4 năm 2023.

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Đăng C 21(hai mốt) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26 tháng 4 năm 2023.

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Lê Văn T và Đỗ Đăng C mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ tiền án phí HSST.

5. Về vật chứng: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước chiếc xe mô tô nhãn hiệu WINNERX loại xe 2 bánh từ 50 - 175cm^3 BKS 36B7-566.77, màu đen bạc vàng đồng; số máy KC34E1102781; số khung 3718LY003220 hiện đang quy trữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Sơn kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 488340 tên chủ xe Đỗ Đăng Công cấp ngày 10/02/2020.

(Tình trạng, đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng và phiếu nhập kho số NK 2023/19 ngày 20/7/2023 *giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Đông Sơn và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Sơn).*

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày bản án sơ thẩm được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND h. Đông Sơn;
- Cơ quan CSĐT CA h. Đông Sơn;
- TAND tỉnh Thanh Hóa.
- VKSND tỉnh Thanh Hóa.
- Sở Tư pháp Thanh Hóa.
- Nhà tạm giữ CA h. Đông Sơn
- Bị cáo.
- Bị hại
- Người liên quan
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lê Thị Tố Như